

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VẬT TƯ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018**

---

*Hà Nội, tháng 03 năm 2019*

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Anh Tấn	Chủ tịch
Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	Thành viên
Ông Tạ Minh Hòa	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Anh Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Phú	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Phương Thơm	Trưởng ban
Ông Ngô Văn Thức	Thành viên
Bà Phạm Thị Kiều Diễm	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Bà Triệu Thị Thu	Kế toán trưởng
------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Anh Tấn**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 26 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tự Trung**  
Tổng Giám đốc  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 1226-2018-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

**Lê Quang Nghĩa**  
Kiểm toán viên  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.521.789.216</b>	<b>20.076.828.764</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	15.206.453.452	920.808.255
Tiền	111		15.206.453.452	920.808.255
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.755.385.456	7.975.965.707
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.893.864.731	7.092.291.843
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	130.730.246	1.152.883.385
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(269.209.521)	(269.209.521)
Hàng tồn kho	140	8	8.552.471.217	11.180.054.802
Hàng tồn kho	141		8.552.471.217	11.180.054.802
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.479.091	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	7.479.091	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.351.466.705</b>	<b>7.865.107.003</b>
Tài sản cố định	220		6.351.441.519	7.398.640.596
Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.351.441.519	7.398.640.596
- Nguyên giá	222		24.916.271.690	24.917.313.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.564.830.171)	(17.518.672.999)
Tài sản dở dang dài hạn	240		521.293.938	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		521.293.938	-
Tài sản dài hạn khác	260		478.731.248	466.466.407
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	478.731.248	466.466.407
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>41.873.255.921</b>	<b>27.941.935.767</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.567.304.511</b>	<b>4.249.491.195</b>
Nợ ngắn hạn	310		18.567.304.511	4.249.491.195
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	6.256.889.326	3.044.182.047
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.217.669.326	189.255.155
Phải trả người lao động	314		530.691.033	206.740.252
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	58.251.157	280.233
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.045.454	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	229.644.113	259.674.193
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	9.243.425.107	240.670.320
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.688.995	308.688.995
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.305.951.410</b>	<b>23.692.444.572</b>
Vốn chủ sở hữu	410	15	23.305.951.410	23.692.444.572
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	22.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		759.958.731	1.569.955.145
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		545.992.679	122.489.427
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		72.489.427	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		473.503.252	122.489.427
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>41.873.255.921</b>	<b>27.941.935.767</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Triệu Thị Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	47.078.250.981	27.205.126.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		57.935.060	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.020.315.921	27.205.126.632
Giá vốn hàng bán	11	17	34.431.745.387	19.582.110.701
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.588.570.534	7.623.015.931
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.640.180	16.535.555
Chi phí tài chính	22	19	281.704.926	1.513.256
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		281.704.926	1.513.256
Chi phí bán hàng	25	20	3.494.237.980	659.291.004
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	8.163.895.821	7.180.315.810
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		655.371.987	(201.568.584)
Thu nhập khác	31	21	23.572.500	354.730.848
Chi phí khác	32	22	61.303.733	34.102
Lợi nhuận khác	40		(37.731.233)	354.696.746
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		617.640.754	153.128.162
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	144.137.502	30.638.735
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		473.503.252	122.489.427
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	215	56
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	215	56

Người lập biểu

Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng

Triệu Thị Thu

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		617.640.754	153.128.162
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.093.199.077	1.063.840.838
Các khoản dự phòng	03		-	(67.550.027)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(6.640.180)	(16.535.555)
Chi phí lãi vay	06		281.704.926	1.513.256
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		1.985.904.577	1.134.396.674
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(3.589.416.163)	2.152.817.539
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		2.627.583.585	(769.660.188)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.366.333.317	(5.670.063.655)
(Tăng) chi phí trả trước	12		(19.743.932)	(367.343.499)
Tiền lãi vay đã trả	14		(273.374.846)	(1.233.023)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.859.220)	(141.832.375)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(330.000.000)	(421.737.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		5.735.427.318	(4.084.655.927)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(459.177.088)	(224.945.400)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.640.180	16.535.555
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(452.536.908)	(208.409.845)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		12.767.559.977	240.670.320
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.764.805.190)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		9.002.754.787	240.670.320
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		14.285.645.197	(4.052.395.452)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4	920.808.255	4.973.203.707
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	15.206.453.452	920.808.255

Người lập biểu



Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng



Triệu Thị Thu

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cơ điện Vật tư là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Xí nghiệp Cơ điện Vật tư theo Quyết định số 97/QĐ-BCN ngày 23 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Cơ điện Vật tư thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100417-030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 06 năm 2005 và được đăng ký thay đổi lần 6 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 508, đường Hà Huy Tập, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 22.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

*Hoạt động chính của Công ty bao gồm:*

- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Kinh doanh, cung ứng, bảo quản vật tư thiết bị, xăng dầu và nguyên vật liệu sản xuất;
- Sửa chữa, cải tạo phục hồi và chế tạo máy biến áp lực;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình điện đến cấp điện áp 220KV;
- Cho thuê văn phòng, kho, xưởng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi Thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với hoạt động sản xuất dây cáp điện, giá trị sản phẩm dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Đối với hoạt động sửa chữa máy biến áp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã tính mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Các tài sản khác	10

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

**3.7 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.10 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	352.072.921	18.146.063
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.854.380.531	902.662.192
	<u>15.206.453.452</u>	<u>920.808.255</u>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	7.479.091	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.479.091	-
Dài hạn	478.731.248	466.466.407
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	478.731.248	466.466.407
	<u>486.210.339</u>	<u>466.466.407</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>10.893.864.731</b>	<b>(269.209.521)</b>	<b>7.092.291.843</b>	<b>(269.209.521)</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	-	-	4.023.844.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại Tân Việt	2.510.178.477	-	101.129.600	-
- Công ty Điện lực Hòa Bình	2.374.469.617	-	615.890.261	-
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	450.827.206	-	1.404.537.142	-
- Công ty TNHH HBT Toàn Cầu	912.100.040	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại Đông Á	694.036.535	-	-	-
- Công ty Cổ phần xây lắp điện máy Hà Tây	1.002.432.824	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.949.820.032	(269.209.521)	946.890.840	(269.209.521)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>10.893.864.731</b>	<b>(269.209.521)</b>	<b>7.092.291.843</b>	<b>(269.209.521)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng cho nhân viên	130.730.246	-	1.152.883.385	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	535.320.000	-
- Phải thu thuế TNCN	92.158.289	-	79.914.747	-
- Phải thu khác	-	-	63.625.483	-
	38.571.957	-	474.023.155	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	130.730.246	-	1.152.883.385	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.509.015.363	-	1.760.732.473	-
Công cụ, dụng cụ	1.000.000	-	1.600.120	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.181.238.810	-	3.530.835.265	-
Thành phẩm	3.678.790.918	-	5.073.763.237	-
Hàng hóa	182.426.126	-	813.123.707	-
	8.552.471.217	-	11.180.054.802	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2018	14.870.092.860	6.606.480.934	2.376.111.838	511.516.329	553.111.634	24.917.313.595
- Mua trong năm	-	-	-	46.000.000	-	46.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(47.041.905)	-	(47.041.905)
<b>31/12/2018</b>	<b>14.870.092.860</b>	<b>6.606.480.934</b>	<b>2.376.111.838</b>	<b>510.474.424</b>	<b>553.111.634</b>	<b>24.916.271.690</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2018	(9.390.026.704)	(4.911.540.627)	(2.152.477.705)	(511.516.329)	(553.111.634)	(17.518.672.999)
- Khấu hao trong năm	(471.840.516)	(531.615.140)	(84.376.752)	(5.366.669)	-	(1.093.199.077)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	47.041.905	-	47.041.905
<b>31/12/2018</b>	<b>(9.861.867.220)</b>	<b>(5.443.155.767)</b>	<b>(2.236.854.457)</b>	<b>(469.841.093)</b>	<b>(553.111.634)</b>	<b>(18.564.830.171)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2018	5.480.066.156	1.694.940.307	223.634.133	-	-	7.398.640.596
<b>31/12/2018</b>	<b>5.008.225.640</b>	<b>1.163.325.167</b>	<b>139.257.381</b>	<b>40.633.331</b>	<b>-</b>	<b>6.351.441.519</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 5.983.513.302 đồng.

## 10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.256.889.326</b>	<b>6.256.889.326</b>	<b>3.044.182.047</b>	<b>3.044.182.047</b>
- Công ty Cổ phần Cấp điện Tự Cường	4.195.099.786	4.195.099.786	-	-
- Công ty Điện Lực Hà Tĩnh	520.829.540	520.829.540	-	-
- Công ty Điện lực Thanh Hóa	200.000.000	200.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thăng	-	-	1.862.198.100	1.862.198.100
- Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	684.585.000	684.585.000	304.287.500	304.287.500
- Các đối tượng khác	656.375.000	656.375.000	877.696.447	877.696.447
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>6.256.889.326</b>	<b>6.256.889.326</b>	<b>3.044.182.047</b>	<b>3.044.182.047</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	179.934.029	1.525.451.751	880.168.574	825.217.206
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.321.126	144.137.502	31.859.220	121.599.408
- Thuế thu nhập cá nhân	-	82.866.604	50.763.062	32.103.542
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.008.489.501	1.769.740.331	1.238.749.170
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	398.706.560	398.706.560	-
	<b>189.255.155</b>	<b>5.159.651.918</b>	<b>3.131.237.747</b>	<b>2.217.669.326</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>9.243.425.107</b>	<b>9.243.425.107</b>	<b>12.767.559.977</b>	<b>3.764.805.190</b>	<b>240.670.320</b>	<b>240.670.320</b>
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	9.243.425.107	9.243.425.107	12.767.559.977	3.764.805.190	240.670.320	240.670.320
	<b>9.243.425.107</b>	<b>9.243.425.107</b>	<b>12.767.559.977</b>	<b>3.764.805.190</b>	<b>240.670.320</b>	<b>240.670.320</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 22748.17.054.2649423.TD ký ngày 27/10/2017 và văn bản sửa đổi hợp đồng số 22748.17.054.2649423.TD ngày 01/11/2018 với các điều khoản sau:

- Giá trị hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng, trong đó: hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 15.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng;
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất cho vay: Theo từng văn bản nhận nợ;
- Thời hạn trả nợ gốc: Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng kể từ ngày được cấp tín dụng;
- Thời hạn trả nợ gốc: Theo quy định của từng văn bản nhận nợ;
- Thời hạn trả lãi vay: Trả lãi vay vào ngày 27 hàng tháng;
- Biện pháp đảm bảo: Khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu/quyền đòi nợ và hàng hóa từ phương án tài trợ của Ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>58.251.157</b>	<b>280.233</b>
- Trích trước chi phí bảo vệ, tiền điện	49.640.844	-
- Trích trước chi phí lãi vay	8.610.313	280.233
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>58.251.157</b>	<b>280.233</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>229.644.113</b>	<b>259.674.193</b>
- Kinh phí công đoàn	16.710.127	22.750.232
- Bảo hiểm xã hội	54.032.525	-
- Bảo hiểm y tế	9.534.219	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.322.602	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	78.440.239	78.440.239
+ Phải trả cổ đông cổ tức năm 2010-2012	13.606.539	11.931.879
+ Phải trả cổ đông cổ tức năm 2014	26.113.600	27.788.260
+ Phải trả cổ đông cổ tức năm 2015	38.720.100	38.720.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.604.401	158.483.722
+ Tiền đặt cọc thuê kho	63.340.000	126.840.000
+ Phải trả Phân xưởng sửa chữa máy biến áp	-	4.733.722
+ Các khoản phải trả khác	3.264.401	26.910.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>229.644.113</b>	<b>259.674.193</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	22.000.000.000	1.569.955.145	423.071.381	23.993.026.526
- Lãi trong năm	-	-	122.489.427	122.489.427
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(423.071.381)	(423.071.381)
31/12/2017	22.000.000.000	1.569.955.145	122.489.427	23.692.444.572
01/01/2018	22.000.000.000	1.569.955.145	122.489.427	23.692.444.572
- Lãi trong năm	-	-	473.503.252	473.503.252
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
- Giảm trong năm (*)	-	(809.996.414)	-	(809.996.414)
31/12/2018	22.000.000.000	759.958.731	545.992.679	23.305.951.410

(\*) Theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐQT ngày 29/12/2018 của Hội đồng quản trị về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển, Công ty đã thống nhất sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bù đắp khoản tiền thuê đất nợ quá hạn từ 2014-2016 theo thông báo số 3141/TB-CCT-TrB ngày 05/06/2018 của Chi cục thuế huyện Gia Lâm số tiền 375.653.889 đồng và các khoản truy thu thuế từ năm 2010 – 2016 số tiền 434.342.525 đồng.

**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ông Nguyễn Khắc Sơn	-	5.494.990.000
Ông Trịnh Xuân Đại	-	5.499.990.000
Ông Ngô Văn Hùng	2.290.000.000	2.290.000.000
Bà Quán Thị Thìn	2.787.000.000	-
Bà Hoàng Kim Huế	2.786.700.000	-
Bà Trần Thị Du	2.786.430.000	-
Bà Ngô Thị Tuyết	2.786.700.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Phượng	2.786.970.000	-
Cổ đông khác	5.776.200.000	8.715.020.000
	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	50.000.000	423.071.381

**15.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2018 CP	01/01/2018 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**15.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	759.958.731	1.569.955.145

**16. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	28.552.515.107	17.418.603.596
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho, xưởng	12.260.843.321	7.393.782.714
Doanh thu sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	6.264.892.553	2.392.740.322
	<b>47.078.250.981</b>	<b>27.205.126.632</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	23.799.948.635	15.859.797.773
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.370.725.604	2.151.097.764
Giá vốn sửa chữa Máy biến áp và thí nghiệm điện	1.261.071.148	1.571.215.164
	<b>34.431.745.387</b>	<b>19.582.110.701</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	6.640.180	16.535.555
	<b>6.640.180</b>	<b>16.535.555</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	281.704.926	1.513.256
	<b>281.704.926</b>	<b>1.513.256</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí bán hàng	3.494.237.980	659.291.004
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	238.721
Chi phí nhân công	318.568.108	189.036.406
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.889.413	14.579.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.203.842.415	447.166.491
Chi phí bằng tiền khác	959.938.044	8.269.673
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.163.895.821	7.180.315.810
Chi phí nhân viên quản lý	4.045.574.406	2.073.937.983
Chi phí vật liệu quản lý	262.856.969	211.069.625
Thuế, phí và lệ phí	1.864.252.930	3.567.699.463
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.338.659	158.268.219
Hoàn nhập dự phòng	-	(67.550.027)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.283.200	710.955.932
Chi phí bằng tiền khác	752.589.657	525.934.615

**21. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công nợ không phải trả	-	354.729.874
Các khoản khác	23.572.500	974
	<b>23.572.500</b>	<b>354.730.848</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi nộp phạt	27.052.671	-
Các khoản chi phí khác	34.251.062	34.102
	<b>61.303.733</b>	<b>34.102</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	617.640.754	153.128.162
Các khoản chi phí không được khấu trừ	103.046.756	65.513
- Các khoản chi phí phạt	27.052.671	65.513
- Chi phí không hợp lệ	75.994.085	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	720.687.510	153.193.675
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	144.137.502	30.638.735
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>144.137.502</u>	<u>30.638.735</u>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	473.503.252	122.489.427
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	215	56

**25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	15.015.389.882	6.774.652.379
Chi phí nhân công	6.331.401.078	4.386.848.464
Khấu hao tài sản cố định	1.093.199.077	1.071.483.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.583.507.153	2.679.951.512
Chi phí bằng tiền khác	4.525.597.103	4.330.929.055
	<u>31.549.094.293</u>	<u>19.243.864.748</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**27.1 SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG NĂM**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	12.767.559.977	240.670.320
	<u>12.767.559.977</u>	<u>240.670.320</u>

**27.2 SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	3.764.805.190	-
	<u>3.764.805.190</u>	<u>-</u>

**28. THÔNG TIN KHÁC**

**28.1 BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương, thưởng	852.700.520	638.499.085

**28.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Phạm Kim Chi

Kế toán trưởng

Triệu Thị Thu

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tấn